

Phụ lục
MẪU DANH MỤC VĂN BẢN THỰC HIỆN HỢP NHẤT
(Kèm theo Công văn số /UBND-NC ngày / /2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. MẪU DANH MỤC VĂN BẢN CẦN THỰC HIỆN HỢP NHẤT THEO QUY ĐỊNH TẠI KHOẢN 4 ĐIỀU 2 PHÁP LỆNH SỐ 01/2026/UBTVQH16 (dành cho việc rà soát, gửi danh mục về Sở Tư pháp)

- Tổng số văn bản cần thực hiện hợp nhất: ... (số liệu tính đến ngày 30/6/2026)
- Tổng số văn bản đã thực hiện ký xác thực hợp nhất: ..., trong đó:
 - + ... văn bản hợp nhất do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ký xác thực (văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh trình);
 - + ... văn bản hợp nhất do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký xác thực;
 - + ... văn bản hợp nhất do người có thẩm quyền của cấp xã ký xác thực.
- Tổng số văn bản chưa thực hiện ký xác thực hợp nhất: ...

STT	Văn bản được sửa đổi, bổ sung ¹	Văn bản sửa đổi, bổ sung ²	Tên, số, ký hiệu của văn bản hợp nhất	Ngày ký xác thực	Ghi chú ³
I.	VĂN BẢN ĐÃ THỰC HIỆN HỢP NHẤT				
1.	...				
II.	VĂN BẢN CHƯA THỰC HIỆN HỢP NHẤT				
2.	...				

¹ Văn bản được sửa đổi, bổ sung bao gồm văn bản được sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần, hết hiệu lực một phần, tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc được công bố tiếp tục có hiệu lực một phần (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh Hợp nhất văn bản QPPL (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 118/VBHN-VPQH)).

² Văn bản sửa đổi, bổ sung bao gồm văn bản sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần, hết hiệu lực một phần, tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc công bố tiếp tục có hiệu lực một phần (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh Hợp nhất văn bản QPPL (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 118/VBHN-VPQH)).

³ Trường hợp chưa thực hiện hợp nhất văn bản thì ghi chú cụ thể “chưa thực hiện hợp nhất” và nêu rõ lý do hoặc thông tin khác (nếu có).

II. MẪU DANH MỤC VĂN BẢN ĐƯỢC THỰC HIỆN HỢP NHẤT (dành cho báo cáo hằng năm)

- Thực hiện hợp nhất đối với văn bản QPPL được ban hành từ ngày .../.../... đến ngày .../.../...
- Tổng số văn bản hợp nhất đã ký xác thực: ..., trong đó:
 - + ... văn bản hợp nhất do Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh ký xác thực (văn bản do Ủy ban nhân dân tỉnh trình);
 - + ... văn bản hợp nhất do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ký xác thực;
 - + ... văn bản hợp nhất do người có thẩm quyền của cấp xã ký xác thực.

STT	Văn bản được sửa đổi, bổ sung ⁴	Văn bản sửa đổi, bổ sung ⁵	Tên, số, ký hiệu của văn bản hợp nhất	Ngày ký xác thực	Ghi chú
A.	HỢP NHẤT VĂN BẢN CỦA CẤP TỈNH				
I.	HỢP NHẤT VĂN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN				
1.	...				
2.	...				
II.	HỢP NHẤT VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN, CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN				
3.	...				
4.	...				

⁴ Văn bản được sửa đổi, bổ sung bao gồm văn bản được sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần, hết hiệu lực một phần, tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc được công bố tiếp tục có hiệu lực một phần (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh Hợp nhất văn bản QPPL (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 118/VBHN-VPQH)).

⁵ Văn bản sửa đổi, bổ sung bao gồm văn bản sửa đổi, bổ sung, đính chính, bãi bỏ một phần, hết hiệu lực một phần, tạm ngưng hiệu lực một phần hoặc công bố tiếp tục có hiệu lực một phần (theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh Hợp nhất văn bản QPPL (hợp nhất tại Văn bản hợp nhất số 118/VBHN-VPQH)).

B.	HỢP NHẤT VĂN BẢN CỦA CẤP XÃ (XÃ/PHƯỜNG/ĐẶC KHU)				
I.	HỢP NHẤT VĂN BẢN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN				
1.	...				
2.	...				
II.	HỢP NHẤT VĂN BẢN CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN				
3.	...				
4.	...				